

Tân Thanh, ngày 24 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Về công khai hoạt động giáo dục

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường tiểu học Thanh Thủy

2. Địa chỉ : Thôn Lường Phương, xã Tân Thanh, tỉnh Ninh Bình;

Email: : tththanhthuy.xatanthanh@ninhbinh.gov.vn

Địa chỉ trang thông tin điện tử (Website):

<https://ththanhthuyninhbinh.edu.vn>

3. Loại hình: trường công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường.

4.1. Sứ mạng: Tạo dựng môi trường giáo dục thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao.

4.2. Tầm nhìn: Trường là trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương, là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình, nơi giáo viên và học sinh luôn năng động, sáng tạo và vươn tới thành công.

4.3. Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường.

- Đoàn kết - Trách nhiệm.

- Thân thiện - Kỉ luật.

- Năng động - Sáng tạo

- Khát vọng - Vươn lên

4.4. Mục tiêu Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường.

Trường Tiểu học Thanh Thủy, xã Tân Thanh, tỉnh Ninh Bình. Trường được tái lập (tách ra từ trường phổ thông cơ sở Thanh Thủy) năm 1991.

Từ khi tái lập đến nay các thế hệ nhà giáo của nhà trường luôn phát huy truyền thống giáo dục, kiên trì vượt khó, tâm huyết với nghề, tận tâm và trách nhiệm

với học sinh; hàng ngày thăm lặn đóng góp trí tuệ và công sức của mình cho sự nghiệp “Trồng người”, từng bước xây đắp nên bề dày thành tích của trường. Nhiều năm liền nhà trường được công nhận là Tập thể lao động tiên tiến và Tập thể lao động xuất sắc. Đặc biệt trong năm học 2021-2022 tập thể nhà trường được vinh dự đón nhận cờ thi đua xuất sắc của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam.

Năm 2020, trường được UBND tỉnh Hà Nam công nhận trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2 theo Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 09/01/2020; được Sở giáo dục tỉnh Hà Nam công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 theo Quyết định số 08/QĐ-SGDĐT ngày 06/01/2020;

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Đỗ Thị Hiền

Số điện thoại: 098 8948998

Thư điện tử: dthienhpthanhthuy@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có); Không có

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 08/08/2025 của Chủ tịch ủy ban nhân dân xã Tân Thanh về việc tiếp nhận và bổ nhiệm cán bộ quản lý giáo dục.

Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 08/08/2025 của Chủ tịch ủy ban nhân dân xã Tân Thanh về việc tiếp nhận và bổ nhiệm cán bộ quản lý giáo dục.

c) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có):

- Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

Trường tiểu học Thanh Thủy thực hiện tổ chức và hoạt động theo Luật Giáo dục và Thông tư số: 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học;

* Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:

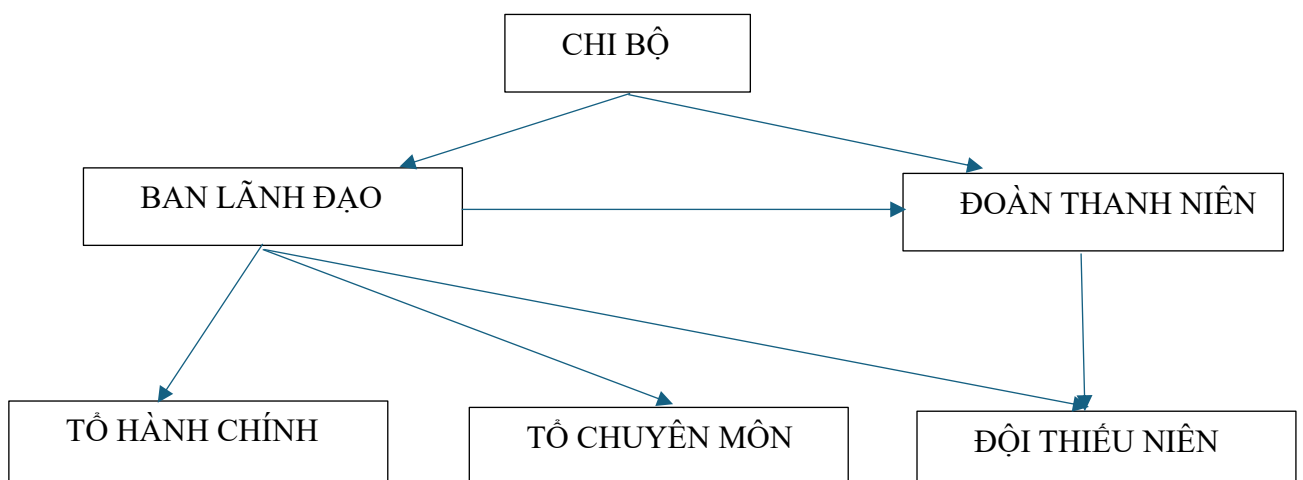
- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.
- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.
- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật
- * Chức năng nhiệm vụ của các thành viên trong nhà trường.
- Nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng: Thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn ghi tại khoản 01 Điều 11 Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020.
- Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó hiệu trưởng tại khoản 01 Điều 11 Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 và thực hiện những nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công.
- Nhiệm vụ của nhân viên thực hiện theo Điều 28; nhiệm vụ của giáo viên theo Điều 27 (Ban hành kèm theo Thông tư 28/TT-BGD ngày 04/09/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT), và thực hiện những nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công theo đề án vị trí việc làm.

* Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:



d. Thông tin của người đứng đầu nhà trường:

Họ và tên: Đỗ Thị Hiền

Số điện thoại: 098 8948998

Thư điện tử: dthienhpthanhthuy@gmail.com

- Nhiệm vụ, trách nhiệm:

+ Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

+ Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỉ luật, hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; cử giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

+ Thực hiện các nhiệm vụ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý giáo dục; xây dựng kế hoạch phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên, nhân viên; động viên và tạo điều kiện cho giáo viên và nhân viên tham gia các hoạt động đổi mới giáo dục; thực hiện đánh giá, xếp loại giáo viên, nhân viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tham gia quá trình tuyển dụng, tuyển chuyển, sắp xếp giáo viên;

+ Quản lý, tiếp nhận học sinh, cho phép học sinh chuyển trường; quyết định kỉ luật, khen thưởng học sinh; phê duyệt kết quả đánh giá học sinh, danh sách học sinh lên lớp, lưu ban; tổ chức kiểm tra công nhận việc hoàn thành chương trình tiểu học.

+ Tổ chức triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; sách giáo khoa, nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Thực hiện quản lý, sử dụng và lựa chọn các xuất bản phẩm tham khảo sử dụng trong nhà trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý. Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy theo quy định về định mức tiết dạy đối với hiệu trưởng.

+ Quản lý hành chính; quản lý và tự chủ trong việc sử dụng các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường theo quy định.

+ Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện xã hội hoá giáo dục, phối hợp tổ chức, huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng xã hội.

+ Xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường theo quy định của Pháp luật.

8. Các văn bản khác của nhà trường:

Chiến lược phát triển trường tiểu học Thanh Thủy giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến 2030; Quy chế dân chủ; các nghị quyết của Hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, tài chính, nhân sự...

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp (hạng)			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	IV	III	II	Tốt	Kh	Đạt	CĐ
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	33	0	0	29	03	01	0		24	5	10	18	01	0
I	Giáo viên	27	0	0	26	01	0	0		20	4	8	18	01	0
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	7	0	0	7	0	0	0	0	5	2	01	06	0	0
1	Tiếng dân tộc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Ngoại ngữ	3	0	0	3	0	0	0	0	1	2	0	3	0	0
3	Tin học	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0
4	Âm nhạc	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0
5	Mỹ thuật	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
6	Thể dục	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
II	Cán bộ quản lý	2	0	0	2	0	0	0	0	1	1	2	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
III	Nhân viên	2	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Nhân viên văn thư	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Nhân viên kế toán	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Nhân viên y tế	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Nhân viên thư viện	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Nhân viên công nghệ thông tin	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Số lượng cán bộ, giáo viên, nhân viên hoàn thành chương trình bồi dưỡng:
33 đ/c

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Cơ sở vật chất- diện tích đất, thiết bị

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	20/20	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	20/20	1,2 m ²
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhò, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ		-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	5972 m ²	8,9 m ² /học sinh

V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2435 m ²	3,62 m ²
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	800 m ²	1,2 m ²
2	Diện tích thư viện (m ²)		
3	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m²)</i>		
4	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m²)</i>		
5	<i>Diện tích phòng ngoại ngữ (m²)</i>		
6	<i>Diện tích phòng học tin học (m²)</i>	42 m ²	1.2 m ²
7	<i>Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m²)</i>	20 m ²	
8	<i>Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m²)</i>		
9	<i>Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m²)</i>		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	20 bộ	
1.1	Khối lớp 1	04 bộ	01 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 2	04 bộ	01 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 3	04 bộ	01 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 4	04 bộ	01 bộ/lớp
1.5	Khối lớp 5	04 bộ	01 bộ/lớp
2	Tổng số TB dạy học tối thiểu thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	17	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	24	
2	Cát xét	04	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	02	
5	Đàn điện tử	15	
6	Đàn pi-a-nô	01	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	Không
XI	Nhà ăn	Không

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	Không		
XIII	Khu nội trú	Không		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		0,06
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	Không	Không	Không	Không	Không

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

2. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được các cơ quan thẩm quyền phê duyệt)

2.1. Lớp 1

TT	Môn/HĐ GD	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản/ Đơn vị liên kết
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 1	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Hoàng Hòa Bình, Hoàng Thị Minh Hương, Trần Mạnh Hùng, Nguyễn Thị Ly Kha, Đặng Kim Nga, Lê Hữu Tĩnh.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
2	Tiếng Anh	Tiếng Anh 1 (English Discovery)	Lưu Thị Kim Nhung (Chủ biên), Đỗ Thị Phi Nga	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
3	Toán	Toán 1	Đỗ Đức Thái (Tổng chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
4	Đạo đức	Đạo đức 1	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên kiêm chủ biên), Nguyễn Thị Việt Hà, Ngô vũ Thu Hằng, Nguyễn Thị Vân Hương, Trần Thị Tô Oanh.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
5	Tự nhiên và xã hội	Tự nhiên và xã hội 1	Nguyễn Hữu Đinh (tổng chủ biên), Phan Thanh Hà (chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng, Nguyễn Hồng Liên	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 1	Đặng Ngọc Quang (Tổng chủ biên kiêm chủ biên), Nguyễn Công Trường	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
7	Âm nhạc	Âm nhạc 1	Hoàng Long (Tổng chủ biên kiêm chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Trần Văn Minh, Nguyễn Thị Nga	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
8	Mĩ thuật	Mĩ thuật 1	Nguyễn Xuân Tiên (Tổng chủ biên), Hoàng Minh Phúc (chủ biên), Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Minh Thiên Hoàng, Nguyễn Hồng Ngọc, Lâm Yến Như	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

TT	Môn/HĐ GD	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản/ Đơn vị liên kết
9	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 1	Bùi Sỹ Tụng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Lê Thị Luận, Trần Thị Thu.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

(Danh mục SGK được lựa chọn đối với các môn học và hoạt động giáo dục khối lớp 1 gồm 09 sách giáo khoa)

2.2. Lớp 2

TT	Môn/H ĐGD	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản/ Đơn vị liên kết
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 2	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Bích Hà, Đặng Kim Nga, Trần Mạnh Hưởng, Nguyễn Thị Tố Ninh, Hoàng Hòa Bình, Nguyễn Khánh Hà, Hoàng Thị Minh Hương, Trần Bích Thủy, Lê Hữu Tĩnh.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
2	Tiếng Anh	Tiếng Anh 2 (English Discovery)	Lưu Thị Kim Nhung (Chủ biên), Đỗ Thị Phi Nga	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
3	Toán	Toán 2	Đỗ Đức Thái (Tổng chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh; Trần Thúy Nga; Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
4	Đạo đức	Đạo đức 2	Trần Văn Thắng (Tổng chủ biên), Ngô Vũ Thu Hằng (Chủ biên), Nguyễn Thị Việt Hà - Vũ Thị Mai Hương.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
5	Tự nhiên và xã hội	Tự nhiên và xã hội 2	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Thán (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Phạm Việt Quỳnh, Hoàng Quý Tĩnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Mĩ thuật	Mĩ thuật 2	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên (đồng tổng chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Hoàng Minh Phúc (tổng chủ biên), Lương Thanh Khiết, Vũ Đức Long, Nguyễn Ánh Phương, Lâm Yến Như, Phạm Văn Thuận	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 3	Lưu Thu Thủy - Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Thụy Anh- Nguyễn Thanh Bình (đồng chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 3	Lưu Quang Hiệp (Tổng chủ biên), Phạm Đông Đức (Chủ biên), Phạm Đình Bình, Nguyễn Thị Huyền	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
9	Âm nhạc	Âm nhạc 3	Hoàng Long - Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng chủ biên kiêm chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình - Mai Linh Chi - Nguyễn Thị Phương Mai Nguyễn Thị Nga - Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thăng, Nguyễn Thị Thanh Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

(Danh mục SGK được lựa chọn đối với các môn học và hoạt động giáo dục khối lớp 2 gồm 09 sách giáo khoa)

2.3. Lớp 3

TT	Môn/H ĐGD	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản/ Đơn vị liên kết
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 3	Tập 1: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Hoàng Hòa Bình, Vũ Trọng Đông, Nguyễn Khánh Hà, Trần Mạnh Hưởng.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
			Tập 2: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Chu Thị Thủy An, Đỗ Thu Hà, Trần Mạnh Hưởng, Đặng Kim Nga, Lê Hữu Tĩnh.	
2	Tiếng Anh	Tiếng Anh 3 (Macmillan Next Move)	Hoàng Tăng Đức (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hoài, Hoàng Thùy Hương.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
3	Toán	Toán 3	Đỗ Đức Thái (Tổng chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
4	Đạo đức	Đạo đức 3	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng chủ biên), Đỗ Tất Nhiên (chủ biên), Nguyễn Chung Hải, Ngô Vũ Thu Hằng, Nguyễn Thanh Huân, Huỳnh Tông Quyền, Nguyễn Thị Hàn Thy	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
5	Tự nhiên xã hội	Tự nhiên xã hội 3	Vũ Văn Hùng (Tổng CB), Nguyễn Thị Thán (CB), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Thị Hồng Liên, Nguyễn Thanh Thủy	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 3	Lưu Quang Hiệp (Tổng CB), Nguyễn Hữu Hùng (CB), Nguyễn Thành Long, Phạm Đức Toàn, Vũ Thị Mai Phương	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
7	Âm nhạc	Âm nhạc 3	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng CB), Nguyễn Thị Thanh Bình (CB), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Mĩ thuật	Mĩ thuật 3	Nguyễn Thị Nhung (Tổng CB), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng CB), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Võ Thị Nguyên, Phạm Văn Thuận	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 3	Phó Đức Hòa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng CB), Bùi Ngọc Diệp, Nguyễn Hữu Tâm (đồng CB), Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Huyền Trang	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Công nghệ	Công nghệ 3	Nguyễn Trọng Khanh (Tổng CB), Hoàng Đình Long (CB), Nhữ Thị Việt Hoa, Nguyễn Thị Mai Lan	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
11	Tin học	Tin học 3	Lê Khắc Thanh (chủ biên), Trịnh Đình Thắng, Nguyễn Tân An, Nguyễn Thị Thuần, Ngô Thị Tú Quyên	Nhà xuất bản Đại học Vinh

(Danh mục SGK được lựa chọn đối với các môn học và hoạt động giáo dục khối lớp 3 gồm 11 sách giáo khoa)

2.4. Lớp 4

TT	Môn/HĐGD	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản/ Đơn vị liên kết
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 4	Tập 1: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Chu Thị Thủy An, Phan Thị Hồ Điệp, Nguyễn Thị Bích Hà, Nguyễn Khánh Hà, Trần Mạnh Hưởng, Trần Bích Thủy.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
			Tập 2: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Hoàng Hòa Bình, Vũ Trọng Đông, Đặng Kim Nga, Nguyễn Thị Tố Ninh, Đặng Thị Yến.	
2	Toán	Toán 4	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
3	Đạo đức	Đạo đức 4	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên), Nguyễn Chung Hải, Nguyễn Thị Diễm My, Huỳnh Tông Quyền, Nguyễn Thị Hàn Thy.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh
4	Khoa học	Khoa học 4	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử và Địa lý	Lịch sử và Địa lý 4	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Văn Dũng (Chủ biên phần Lịch sử), Ninh Thị Hạnh, Nguyễn Thị Phương Thanh, Lê Thông (Tổng Chủ biên phần Địa lý), Nguyễn Tuyết Nga (Chủ biên phần Địa lý), Phạm Thị Sen, Nguyễn Thị Trang Thanh.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
6	Tin học	Tin học 4	Lê Khắc Thành (Tổng Chủ biên), Trịnh Đình Thắng (Chủ biên), Ngô Thị Tú Quyên, Nguyễn Thị Quỳnh Trang, Vũ Việt Dũng.	Nhà xuất bản Đại học Vinh
7	Công nghệ	Công nghệ 4	Nguyễn Tất Thắng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Minh Hằng, Nguyễn Thị Mai Lan (đồng Chủ biên), Hoàng Xuân Anh	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh
8	Giáo dục thể chất	Giáo dục Thể chất 4	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên), Đinh Khánh Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đinh Thị Mai Anh.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
9	Âm nhạc	Âm nhạc 4	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật	Mĩ thuật 4	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

TT	Môn/HĐGD	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản/ Đơn vị liên kết
11	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 4	Phó Đức Hòa (Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp (Chủ biên), Lê Thị Thu Huyền, Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Hữu Tâm, Nguyễn Huyền Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh	Tiếng anh 4 (Macmillan Next Move)	Hoàng Tăng Đức (Chủ biên), Đặng Ngân Giang, Nguyễn Thị Thu Hoài.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh

(Danh mục SGK được lựa chọn đối với các môn học và hoạt động giáo dục khối lớp 4 gồm 12 sách giáo khoa)

2.5. Lớp 5

TT	Môn/HĐGD	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản/ Đơn vị liên kết
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 5	Tập 1: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Chu Thị Thủy An, Vũ Trọng Đông, Nguyễn Khánh Hà, Đỗ Thu Hà, Đặng Kim Nga.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
			Tập 2: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Chu Thị Thủy An, Nguyễn Hoàng Mỹ Anh, Hoàng Hòa Bình, Nguyễn Khánh Hà, Trần Đức Hùng.	
2	Toán	Toán 5	Đỗ Đức Thái (Tổng chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
3	Đạo Đức	Đạo Đức 5	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên), Nguyễn Chung Hải, Nguyễn Thị Diễm My, Huỳnh Tông Quyền, Nguyễn Thị Hàn Thi.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
4	Lịch sử và Địa lí	Lịch sử và Địa lí 5	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Văn Dũng (Chủ biên phần Lịch sử), Ninh Thị Hạnh, Nguyễn Thị Phương Thanh, Lê Thông (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Tuyết Nga (Chủ biên phần Địa lí), Phạm Thị Sen, Nguyễn Thị Trang Thanh.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
5	Khoa học	Khoa học 5	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga; Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

TT	Môn/HĐ GD	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản/ Đơn vị liên kết
6	Tin học	Tin học 5	Lê Khắc Thành (Tổng Chủ biên) Trịnh Đình Thắng (Chủ biên), Ngô Thị Tú Quyên, Hà Ngọc Tuấn, Vũ Việt Vũ.	Nhà xuất bản Đại học Vinh
7	Công nghệ	Công nghệ 5	Nguyễn Trọng Khanh (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Lan, Ngô Văn Thanh, Chu Văn Vượng.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
8	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 5	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên), Đinh Khánh Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đinh Thị Mai Anh.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
9	Âm nhạc	Âm nhạc 5	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật	Mĩ thuật 5	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 5	Phó Đức Hòa (Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp (Chủ biên), Lê Thị Thu Huyền, Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Hữu Tâm, Nguyễn Huyền Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh	Tiếng Anh 5 (Macmillan Next Move)	Hoàng Tăng Đức (Chủ biên), Đỗ Thị Thúy Vân, Nguyễn Thị Xuân.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh

(Danh mục SGK được lựa chọn đối với các môn học và hoạt động giáo dục khối lớp 5 gồm 12 sách giáo khoa)

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

Hằng năm nhà trường tổ chức tự đánh giá và xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

Sau thời gian Hội đồng tự đánh giá theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục tiểu học (theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 08 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 12 năm 2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT), Trường Tiểu học Thanh Thủy đạt được kết

quả cụ thể như sau:

Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

Mức 1: Đạt: $24/24 = 100\%$; Không đạt: 0

Mức 2: Đạt: $22/22 = 100\%$; Không đạt: 0

Mức 3: Đạt: $16/16 = 100\%$; Không đạt: 0

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:

+ Tiêu chí đạt Mức 4: $3/7 = 43,0\%$;

+ Tiêu chí không đạt Mức 4: $4/7 = 57,0\%$.

- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Mức 3.

Căn cứ Điều 34 và Điều 37 Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 08 năm 2018 của BGDĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường tiểu học và quy định tại Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 12 năm 2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT. Trường Tiểu học Thanh Thủy tự đánh giá đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 2.

2. Kế hoạch cải tiến.

2.1. Năm học 2025-2026

Thực hiện phát triển chiến lược nhà trường giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến 2030, các kế hoạch chiến lược hằng năm, kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn. Đảm bảo tốt việc quản lý hành chính, học chính và tài chính;

Năm học 2025-2026, thực hiện theo 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 12 năm 2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, thực hiện sự chỉ đạo của Sở GD&ĐT Ninh bình, trường tiểu học Thanh Thủy tiếp tục xây dựng kế hoạch chỉ đạo công tác giáo dục của nhà trường chi tiết, cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và nhà trường, trong đó trú trọng đến việc cải tiến chất lượng giáo dục.

Năm học 2025-2026, nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch tập chung vào các điểm yếu, những tồn tại cần khắc phục trong bộ tiêu chí theo Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 12 năm 2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT. Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã kiện toàn Hội đồng tự đánh giá, chỉ đạo Hội đồng tự đánh giá, các tổ chức đoàn thể, bộ phận chuyên môn rà soát những điểm mạnh, điểm yếu, chủ động xây dựng kế hoạch để thực hiện.

Phân công các tổ công tác, phụ trách rà soát, đánh giá các tiêu chí, các tiêu chuẩn theo đúng nội hàm của từng chỉ báo; lập phiếu đánh giá các tiêu chí, hoàn thiện Báo cáo tự đánh giá của nhà trường, đồng thời thu thập các minh chứng theo việc mô tả các nội hàm của chỉ báo.

- Tiếp tục phát huy và duy trì tốt những ưu điểm, những điểm mạnh mà nhà trường đã đạt được trong năm học 2024-2025 và những năm học trước đây. Cũng như phát huy kết quả mà nhà trường đã đạt được trong công tác kiểm định chất lượng và đạt trường chuẩn quốc gia mà Sở GD&ĐT và UBND tỉnh công nhận

tháng 01/2020.

- Tiếp tục rà soát xây dựng kế hoạch và đưa ra những giải pháp cụ thể nhằm cải tiến chất lượng, để khắc phục những điểm yếu của nhà trường còn tồn tại.

- Tiếp tục tăng cường công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền, để tạo điều kiện xây dựng và cung cấp đầy đủ cơ sở vật chất, các trang thiết bị giáo dục để góp phần đảm bảo theo đúng chuẩn quy định.

2.2. Nội dung thực hiện những năm tiếp theo.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá cơ sở GDPT theo tinh thần Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 12 năm 2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, qua đó mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên nhận thấy rõ trách nhiệm và nhiệm vụ của bản thân, đồng thời chủ động trong công việc của mình được giao, góp phần hoàn thiện báo cáo, thu thập minh chứng, hoàn thiện hồ sơ tự đánh giá, đăng ký kiểm định với cấp trên.

- Chủ động tham mưu với chính quyền địa phương, Phòng Giáo dục và Đào tạo trong công tác đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác giáo dục trong nhà trường. Đảm bảo cải tiến chất lượng thông qua khắc phục những điểm yếu, phát huy những điểm mạnh, đảm bảo đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3 và đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 2 theo chuẩn các tiêu chí.

- Tiếp tục giao cho các thành viên Hội đồng tự đánh giá, các bộ phận có liên quan rà soát các tiêu chí, tiêu chuẩn còn những điểm yếu, qua đó chủ động đưa ra các giải pháp đề xuất với Hội đồng trường, với Hiệu trưởng để khắc phục và cải tiến chất lượng, hoàn thành theo đúng yêu cầu đặt ra.

- Tiếp tục tăng cường bồi dưỡng, nâng cao năng lực công tác chuyên môn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo đạt chuẩn về đào tạo theo quy định mới của Luật Giáo dục.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin tuyển sinh:

Thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và các văn bản hướng dẫn hiện hành bảo đảm công bằng, khách quan, minh bạch, chính xác và bảo đảm thuận lợi cho học sinh và cha mẹ học sinh; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học.

Bảo đảm huy động 100% trẻ 6 tuổi trên địa bàn, đủ điều kiện theo quy định của Bộ GDĐT được tuyển sinh vào lớp 1 năm học 2025-2026. Rà soát chính xác số trẻ 6 tuổi trên địa bàn xã đảm bảo đủ CSVC cho học sinh theo học.

Thực hiện nghiêm túc quy định về: Thời gian tuyển sinh, hồ sơ tuyển sinh, độ tuổi và sĩ số học sinh trên một lớp.

Đảm bảo công khai về tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, thời gian tuyển sinh, phương thức tuyển sinh và trách nhiệm trong công tác tuyển sinh.

Phân công nhiệm vụ cụ thể, cá nhân chịu trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về nhiệm vụ được phân công.

Chuẩn bị cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết, thành lập Tổ công tác hỗ trợ và triển khai tuyển sinh của trường, đặc biệt là hình thức tuyển sinh trực tuyến.

Thực hiện theo quy định tại Điều 33 của Điều lệ trường tiểu học được ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT:

- Trẻ 6 tuổi (sinh năm 2019) có hộ khẩu thường trú trên địa bàn xã Thanh Thủy và những trẻ có độ tuổi trước năm 2019 mà chưa đi học Tiểu học. Tuyệt đối không nhận trẻ thiếu tuổi vào lớp 1.

- Học sinh các xã lân cận nếu có nhu cầu học tập tại trường.

*** Chỉ tiêu tuyển sinh**

- Số lớp: 04 ; - Số học sinh (Dự kiến): 141 học sinh.

*** Phương thức, thời gian tuyển sinh**

- Thực hiện phương thức xét tuyển

- Thời gian tuyển sinh: Từ ngày 10/06/2025 đến hết ngày 12/06/2025

*** Hình thức tuyển sinh: Trực tiếp**

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế, năm học 2024-2025

a) Tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

STT	Nội dung	Tổng số/Nữ	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
1	Số học sinh	662/313	139/67	129/65	129/63	133/60	132/58
2	Số lớp	20	4	4	4	4	4
3	Sĩ số bình quân	33,1	34,7	32,3	32,3	33,3	33
4	Số HS học 2 buổi/ngày	662/313	139/67	129/65	129/63	133/60	132/58
5	Số HS dân tộc	0	0	0	0	0	0
6	Số HS khuyết tật	0	0	0	2	1	0
7	Số HS chuyển đi	9	0	3	4	1	1
8	Số HS chuyển đến	16	1	8	4	3	0

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	662	139	129	129	133	132
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	662	139	129	129	133	132
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	662	139	129	129	133	132
1	Tốt	505	96	94	105	100	110
	(tỷ lệ so với tổng số)	76,3%	69,1%	72,9%	81,4%	75,2%	83,3%
2	Đạt	157	43	35	24	33	22
	(tỷ lệ so với tổng số)	23,7%	30,9%	27,1%	18,6%	24,8%	16,7%
3	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,00%	0,00%	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	662	139	129	129	133	132
1	Hoàn thành Xuất sắc	101	34	31	14	10	12
	(tỷ lệ so với tổng số)	15,3%	24,5%	24,0%	10,9%	7,5%	9,1%
2	Hoàn thành tốt	99	12	9	23	24	31
	(tỷ lệ so với tổng số)	15%	8,6%	6,8%	17,8%	18%	23,5%
3	Hoàn thành	458	90	88	92	99	89
	(tỷ lệ so với tổng số)	69,2%	64,7%	68,2%	71,3%	74,4%	67,4%
4	Chưa hoàn thành	4	3	1	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,6%	2,2%	0,7%	0%	0%	0%
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	662	139	129	129	133	132
1	Lên lớp	658	136	128	129	133	132
	(tỷ lệ so với tổng số)	99,4%	97,8%	99,2%	100%	100%	100%
a	Trong đó:	200	46	40	37	34	43
	HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	30,2%	33,1%	31,0%	28,7%	25,7%	32,6%
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	0,00%	0,00%	0,00%	0,000%	0,00%	0,00%
2	Ở lại lớp	4	3	1	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,6%	2,2%	0,7%	0%	0%	0%

c) Chỉ tiêu chất lượng giáo dục năm học 2025 - 2026

**** Đánh giá về Năng lực, Phẩm chất***

+ Về Năng lực cốt lõi

Xếp loại	Năng lực chung					
	Tự chủ và tự học		Giao tiếp và hợp tác		Giải quyết vấn đề và sáng tạo	
	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %
Tốt	561	83.6	558	83,2	515	76.8
Đạt	110	16.4	113	16,8	156	23.2
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
Tổng số HS	671	100	671	100	671	100

Xếp loại	Năng lực đặc thù									
	Ngôn ngữ		Tính toán		Khoa học		Thẩm mĩ		Thể chất	
	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %
Tốt	466	69.4	500	74.5	460	68.6	575	85.7	507	75.6
Đạt	205	30.6	171	25.5	211	31.4	96	14.3	164	24.4
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng số HS	671	100	671	100	671	100	671	100	671	100

+ Về Phẩm chất chủ yếu:

Xếp loại	Yêu nước		Nhân ái		Chăm chỉ		Trung thực		Trách nhiệm	
	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %
Tốt	545	81,2	545	81.2	547	81.5	532	79.3	537	80.0
Đạt	126	18,8	126	18.8	124	18.5	139	20.7	134	20
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng số HS	671	100	671	100	671	100	671	100	671	100

* **Đánh giá kết quả học tập:**

Xếp loại	Toán		Tiếng Việt		Tiếng Anh	
	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %
Hoàn thành tốt	303	45.2	317	47.2	280	41,7
Hoàn thành	368	54.8	354	52.8	391	58,3
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
Tổng số HS	671	100	671	100	671	100

Các môn còn lại phần đầu 100% số học sinh hoàn thành trở lên trong đó có từ 35%- 40% hoàn thành tốt.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai quyết toán ngân sách năm 2024

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	2	3	4	5 = 4-3
A	Quyết toán chi ngân sách nhà nước			
I	Nguồn ngân sách trong nước			
1	Chi quản lý hành chính	6.233.212.000	6.233.212.000	
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.233.212.000	6.233.212.000	
	Chi thanh toán cá nhân	5.405.870.226	5.405.870.226	
	Chi hàng hóa dịch vụ	633.630.775	633.630.775	
	Chi hỗ trợ và bổ sung	27.660.000	27.660.000	
	Các khoản chi khác	166.051.000	166.051.000	
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	204.461.000	204.461.000	

2. Công khai công bố dự toán ngân sách năm 2025

TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Nguồn thu kinh phí nhà nước	
I	Tổng thu	7.648.631
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	7.648.631
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	7.608.739
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	39.892
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

2.2. Dự kiến các khoản đóng góp phục vụ học sinh năm học 2025-2026

* Các khoản thu theo quy định:

- Bảo hiểm y tế (bắt buộc): Bằng 4.5% mức lương cơ sở (2.340.000 đ). Học sinh đóng 50%, ngân sách Nhà nước hỗ trợ 50%.

(Đối với học sinh mới vào lớp 1 có ngày sinh trước 02/10/2019 đóng 15 tháng; sinh từ ngày 02/10/2019 đến ngày 01/11/2019, đóng 14 tháng; sinh từ ngày 02/11/2019 đến ngày 01/12/2019, thì số tháng đóng là 13 tháng, sinh sau ngày 01/12/2019 số tháng đóng là 12 tháng)

*Đối với học sinh từ lớp 2 đến lớp 5 thu 12 tháng
Số tiền 1 tháng: 52.650 đồng/1 tháng; số tiền 1 năm: 631.800 đồng/1 năm/1 học sinh*

Trừ con hộ nghèo, cận nghèo, khuyết tật, con công an, bộ đội, con gia đình chế độ chính sách đã có bảo hiểm).

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Việc triển khai đổi mới chương trình GDPT 2018

1.1. Công tác tham mưu, chuẩn bị, xây dựng kế hoạch

Căn cứ vào hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Sở GD&ĐT và các văn bản chỉ đạo của ngành nhà trường đã xây dựng kế hoạch cụ thể cho năm học, học kỳ và từng tuần công khai để CBGV, NV được biết, thực hiện trong công tác được nhà trường giao. Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo, đảm bảo thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường.

Nhà trường tiếp tục chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, tuyên truyền trong nhân dân về việc đổi mới chương trình GDPT 2018. Chủ động chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để thực hiện theo lộ trình, đồng thời chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể triển khai đến cán bộ, giáo viên và các bậc phụ huynh nhà trường. Tham mưu với UBND xã xây dựng nhà đa năng, lớp học, phòng chức năng theo quy định.

1.2. Triển khai thực hiện

Nhà trường thường xuyên tổ chức cho cán bộ, giáo viên nghiên cứu chương trình giáo dục phổ thông tổng thể bằng nhiều hình thức (nghiên cứu tài liệu, học tập trực tuyến, thảo luận trong các tổ khối...).

Thường xuyên theo sát việc triển khai việc dạy học chương trình sách giáo khoa đối với các khối lớp để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy học cho phù hợp.

2. Các điều kiện giáo dục:

- Thực hiện dạy đúng và đủ chương trình các môn học theo Kế hoạch Giáo dục và quy định, đồng thời quan tâm giáo dục toàn diện; thực hiện các chương trình tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường, kỹ năng sống cho học sinh vào các môn học. . . thông qua đó làm tốt công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống cho học sinh.

- Chỉ đạo các tổ, khối chuyên môn trú trọng, quan tâm đổi mới PPDH, ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy và học, sử dụng TBDH hiện có nhiều tiết hội giảng, nhiều đồng chí giáo viên đã sử dụng CNTT vào bài dạy. Chất lượng giáo dục đại trà được duy trì, ổn định, chất lượng mũi nhọn được quan tâm thể hiện qua các cuộc giao lưu, tham gia các sân chơi trí tuệ, Thể dục thể thao các cấp tổ chức cụ thể như sau:

+ Cấp Quốc gia: Có 04 em đạt giải Khuyến khích và 01 em đạt giải triển vọng Cuộc thi “Chữ đẹp tuổi thơ”

+ Có 23 em đạt giải trong kỳ giao lưu Violympic các môn học cấp huyện (trong đó có 01 giải Nhì; 10 giải Ba; 12 giải Khuyến khích)

+ Thẻ dục thể thao: có 04 em đạt giải TDTT cấp huyện (trong đó có 01 giải Ba bóng đá, 02 giải Khuyến khích bóng đá; 01 giải Khuyến khích chạy ngắn 60m).

Duy trì có hiệu quả hoạt động thư viện trường, lớp, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

- Nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục.

+ Tạo điều kiện cho 01 nhân viên học đại học;

+ Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn đào tạo: 26/27 đạt 96,3,0%

+ Kết quả bồi dưỡng giáo viên CTGDPT 2018: 100% cán bộ giáo viên đã tham gia bồi dưỡng CTGDPT 2018 đạt kết quả cao theo yêu cầu.

+ Kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp GVTH: Tốt: 08/27 = 29,6%;

Khá: 18/27 = 66,7%; Đạt 1/27 = 3,7%.

+ Giáo viên dạy giỏi: Cấp huyện: 01; Cấp trường: 18.

* Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:

Số phòng học: 20 ; Tỷ lệ phòng học /lớp: 01, So với nhu cầu : Đủ

Số phòng chức năng đã có: 01 ; So với nhu cầu còn thiếu: 06 phòng và nhà đa năng. Chưa có nhà đa năng.

3. Công tác quản lý:

- Công tác tham mưu: Phát huy ưu thế của trường chuẩn quốc gia mức độ 2 mà nhà trường đã được công nhận lại tháng 01 năm 2020, nhà trường tiếp tục tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tăng cường tu bổ và xây dựng bổ sung hoàn thiện CSVC đảm bảo phục vụ đầy đủ, tốt cho công tác giáo dục nhà trường và tạo môi trường luôn xanh-sạch-đẹp, là môi trường giáo dục tốt cho học sinh.

- Công tác xây dựng và triển khai kế hoạch năm học: Căn cứ vào hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Sở GD&ĐT Ninh Bình, các Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo của ngành nhà trường đã xây dựng kế hoạch cụ thể cho năm học, học kỳ và từng tuần công khai để CBGV, NV được biết, thực hiện trong công tác được nhà trường giao. Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo, đảm bảo thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường.

- Công tác kiểm tra: Kiểm tra thường xuyên bằng nhiều hình thức và có kế hoạch ngay từ đầu năm học. Qua kiểm tra, khảo sát, đánh giá, xếp loại công bằng dân chủ và được công khai trước tập thể sư phạm nhà trường. Kiểm tra đúng nguyên tắc, đúng hướng dẫn, tham gia đóng góp ý kiến, chỉ ra những điểm còn

tồn tại giúp giáo viên chưa thực hiện tốt có hướng khắc phục.

- Công tác quản lý tài chính, tài sản: Công tác tài chính được công khai, dân chủ, được bàn bạch trước hội đồng nhà trường. Chi tiêu tiết kiệm, chi đúng mục đích nhằm kịp thời động viên giáo viên và học sinh trong các hoạt động và các phong trào của nhà trường.

4. Công tác triển khai chuyển đổi số, thí điểm triển khai Học bạ số

- Đối với việc triển khai chuyển đổi số trường đã triển khai chuyển đổi số trong thực hiện chuyên môn và trao đổi thông tin liên quan đến công tác chuyên môn. Kết quả: 100% cán bộ quản lý, giáo viên thực hiện.

Nhà trường đã tăng cường đầu tư CSVC, hạ tầng CNTT, thiết bị dạy học môn Tin học; bồi dưỡng GV Tin học nói riêng và GV tiểu học nói chung để sẵn sàng triển khai thực hiện đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy ở đơn vị thông qua các hình thức: dạy học môn Tin học thực hiện Chương trình GDPT 2018; lồng ghép vào các môn học và hoạt động giáo dục.

Tổ chức các câu lạc bộ giáo dục kỹ năng công dân số (CLB Tin học, CLB Tiếng Anh,...).

- Đối với việc triển khai thí điểm triển khai Học bạ số 100% giáo viên đánh giá học sinh qua ứng dụng phần mềm, thực hiện học bạ số, có 662/662 học sinh từ lớp 1 đến lớp 5 được ký số học bạ.

4. Công tác Đảng và các đoàn thể:

- Thường xuyên triển khai và cập nhật đến cán bộ, đảng viên, giáo viên, nhân viên nhà trường các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; thường xuyên cập nhật và phổ biến các văn bản chỉ đạo, quy định của ngành.

- Xây dựng được mối đoàn kết, tập trung dân chủ trong công tác lãnh đạo, quản lý và điều hành của Chi bộ - Lãnh đạo nhà trường - Đoàn thanh niên - Các tổ chức đoàn thể khác; hàng tuần đều họp giao ban để tổ chức thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch của trường đạt hiệu quả.

- Công tác xã hội hóa giáo dục: Với mục tiêu chung tay vì sự nghiệp giáo dục, nhà trường luôn thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, thường xuyên huy động các nguồn lực từ các tổ chức đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội, các nhà hảo tâm để góp phần xây dựng nhà trường phát triển.

5. Các công tác khác:

- Công tác HSSV: Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, tạo cho học sinh nhiều sân chơi bổ ích. Nhà trường đã xây dựng bộ quy tắc ứng xử trong nhà trường, đặc biệt là quy tắc ứng xử của học sinh và triển khai có hiệu quả.

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, học sinh, cha mẹ

học sinh về tầm quan trọng của việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, là nơi để học sinh rèn luyện, học tập, phát triển toàn diện cả về phẩm chất và năng lực.

- Triển khai thực hiện ứng dụng CNTT trong quản lý dạy và học: Trong năm học, phát huy những mặt mạnh và ưu thế của những năm học trước, nhà trường tiếp tục đẩy mạnh công tác ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy và học.

- Công tác kiểm định chất lượng và xây dựng trường chuẩn quốc gia : Nhà trường tiếp tục tham mưu với chính quyền địa phương trong công tác xây dựng và tu bổ cơ sở vật chất. Trong năm học nhà trường đã tiếp tục thực hiện tốt công tác tự kiểm định chất lượng và trường chuẩn quốc gia bằng việc thực hiện công tác tự đánh giá CSGDPT, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng để khắc phục những điểm yếu, những điểm còn tồn tại sau đánh giá ngoài.

6. Công tác thi đua , khen thưởng:

Công tác thi đua được nhà trường thường xuyên quan tâm triển khai, cụ thể trong năm học nhà trường đã phát động các phong trào thi đua và được cán bộ giáo viên hưởng ứng sôi nổi. Đặc biệt là hưởng ứng phong trào thi đua “Xây dựng không gian trường lớp xanh - sạch - đẹp - hiệu quả ” được Phòng giáo dục và Đào tạo đánh giá cao. Trong công tác thi đua nhà trường thường xuyên quan tâm hoàn thành tốt các tiêu chí phấn đấu đạt Tập thể lao động Tiên tiến.

Trên đây là Báo cáo thường niên trong năm 2025 của Trường Tiểu học Thanh Thủy theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Nơi nhận:

- UBND xã (để b/c);
- Trang Web (để đăng tin);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Thị Hiền